

CÔNG TY CỔ PHẦN  
MASAN MEATLIFE  
MASAN MEATLIFE  
CORPORATION

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness

Số/ No.: 37/2026/CV-MML

TP. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2026  
Ho Chi Minh City, day 24 month 07 year 2026

**CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG**  
**EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE**

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**  
**To: Hanoi Stock Exchange**

1. Tên tổ chức/Name of organization: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE/ MASAN MEATLIFE CORPORATION**

- Mã chứng khoán/ Stock code: **MML**
- Địa chỉ/Address: Lầu 10, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ 10<sup>th</sup> Floor, Central Plaza Building, No. 17 Le Duan Street, Saigon Ward, Ho Chi Minh City, Vietnam
- Điện thoại liên hệ/Tel.: 028 6256 3862 Fax: 028 3827 4115
- Email: Ngadtt@mml.masangroup.vn
- Website: [www.masanmeatlife.com.vn](http://www.masanmeatlife.com.vn)

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

**Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp / Periodic report on corporate bond's principal and interest payments.**

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 24/07/2026 tại đường dẫn <https://masanmeatlife.com.vn/> This information was published on the company's website on 24 July 2026, as in the link <https://masanmeatlife.com.vn.>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the law.

**Tài liệu đính kèm/Attached documents:**

Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp / Periodic report on corporate bond's principal and interest payments.

**Đại diện tổ chức**  
**Organization representative**  
**Người được ủy quyền CBTT**  
**Person authorized to disclose information**



**ĐỖ THỊ THU NGÀ**  
**Giám đốc Pháp lý/ Legal Director**

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE  
MASAN MEATLIFE CORPORATION

\*\*\*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence - Freedom - Happiness

\*\*\*

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 07 năm 2026  
Ho Chi Minh City, 24 July, 2026

## BÁO CÁO

### Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp

### PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch chứng khoán  
To: - The State Securities Commission  
- The Stock Exchange

I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/ Report on bond principal and interest payments  
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/06/2026 / Reporting period from 01/01/2026 to 30/06/2026)  
Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| T<br>T<br>N<br>o | Mã chứng<br>khoán<br>Securities<br>code | Kỳ hạn<br>Period           | Ngày phát<br>hành<br>Issue date | Ngày đáo<br>hạn<br>Maturity | Số dư<br>đầu kỳ<br>Opening balance |                 | Thanh toán<br>trong kỳ<br>Payment during<br>the period |                 | Dư nợ<br>cuối kỳ<br>Closing balance |                 |
|------------------|-----------------------------------------|----------------------------|---------------------------------|-----------------------------|------------------------------------|-----------------|--------------------------------------------------------|-----------------|-------------------------------------|-----------------|
|                  |                                         |                            |                                 |                             | Gốc<br>Principal                   | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                                       | Lãi<br>Interest | Gốc<br>Principal                    | Lãi<br>Interest |
| 1                | MML121021                               | 60 tháng<br>/ 60<br>months | 26/08/2021                      | 26/08/2026                  | 1.999,98                           | 60,14           | 0,00                                                   | 86,45           | 1.999,98                            | 62,33           |

II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/ Report on bond ownership according to the type of investors

(Kỳ báo cáo từ 12/08/2025 đến ngày 05/02/2026 / Reporting period from 12/08/2025 to 05/02/2026) \*\*  
Đơn vị: Tỷ VND/ Unit: Billion VND

| Loại Nhà đầu tư<br>Type of investors                 | Dư nợ đầu kỳ<br>Opening balance |                               | Thay đổi trong kỳ<br>Changes during the<br>period |                               | Dư nợ cuối kỳ<br>Closing balance |                               |
|------------------------------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------------|----------------------------------|-------------------------------|
|                                                      | Giá trị<br>Value                | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) | Giá trị<br>Value                                  | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) | Giá trị<br>Value                 | Tỷ trọng<br>Percentage<br>(%) |
| I. Nhà đầu tư trong<br>nước/ Domestic investors      |                                 |                               |                                                   |                               |                                  |                               |
| 1. Nhà đầu tư có tổ chức/<br>Institutional investors |                                 |                               |                                                   |                               |                                  |                               |



|                                                            |                 |               |             |             |                 |               |
|------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|-------------|-------------|-----------------|---------------|
| a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>           | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| b) Quỹ đầu tư / <i>Investment funds</i>                    | 1.436,93        | 71,85         | 171,50      | 8,58        | 1.608,43        | 80,43         |
| c) Công ty chứng khoán / <i>Securities companies</i>       | 0,47            | 0,02          | 29,55       | 1,48        | 30,02           | 1,50          |
| d) Công ty Bảo hiểm / <i>Insurance companies</i>           | 280,78          | 14,04         | 0,00        | 0,00        | 280,78          | 14,04         |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>            | 214,12          | 10,71         | -171,50     | -8,58       | 42,62           | 2,13          |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>         | 67,41           | 3,37          | -29,51      | -1,48       | 37,90           | 1,89          |
| <b>II. Nhà đầu tư nước ngoài/ <i>Foreign investors</i></b> |                 |               |             |             |                 |               |
| 1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>   |                 |               |             |             |                 |               |
| a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>           | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>                     | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>        | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>            | 0,00            | 0,00          | 0,00        | 0,00        | 0,00            | 0,00          |
| đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>            | 0,22            | 0,01          | 0,00        | 0,00        | 0,22            | 0,01          |
| 2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>         | 0,05            | 0,00          | -0,04       | 0,00        | 0,01            | 0,00          |
| <b>Tổng/ <i>Total</i></b>                                  | <b>1.999,98</b> | <b>100,00</b> | <b>0,00</b> | <b>0,00</b> | <b>1.999,98</b> | <b>100,00</b> |

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/ *Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

\*\* Ngày 12/08/2025 và ngày 05/02/2026 là ngày chốt danh sách người sở hữu trái phiếu để thực hiện thanh toán lãi trái phiếu tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam/ *The dates of 12/08/2025 and 05/02/2026 are the record date for bondholders to receive interest payments at the Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation.*

**Nơi nhận/ Recipients:**

- Như trên/ As above;
- Lưu DN/ For company records.

CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN MEATLIFE

MASAN MEATLIFE CORPORATION



NGUYỄN ANH THI

*Tổng Giám đốc*

